

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		99,296,146,821.00	91,660,056,730.00
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1,409,036,634.00	2,702,572,420.00
1. Tiền	111		1,409,036,634.00	2,702,572,420.00
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	13,197,301.00	14,634,801.00
1. Đầu tư ngắn hạn	121		111,448,656.00	111,448,656.00
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(98,251,355.00)	(96,813,855.00)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	82,027,306,078.00	72,157,904,909.00
1. Phải thu của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		193,296,250.00	193,296,250.00
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		28,690,552,146.00	28,836,294,016.00
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	53,143,457,682.00	43,128,314,643.00
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.02	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,846,606,808.00	16,784,944,600.00
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		319,895,416.00	319,895,416.00
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		15,526,711,392.00	16,465,049,184.00
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	V.11	1,962,008,538.00	2,017,200,113.00
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		706,939,053.00	762,130,628.00
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	-	-
- Nguyên giá	222		2,809,486,691.00	2,809,486,691.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2,809,486,691.00)	(2,809,486,691.00)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	V.06	706,939,053.00	762,130,628.00
- Nguyên giá	228		2,659,546,550.00	2,659,546,550.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,952,607,497.00)	(1,897,415,922.00)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.07	1,255,069,485.00	1,255,069,485.00
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		122,478,663.00	122,478,663.00
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09	-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	1,122,590,822.00	1,122,590,822.00
4. Tài sản dài hạn khác	268		10,000,000.00	10,000,000.00
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		101,258,155,359.00	93,677,256,843.00

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

NGUỒN VỐN

	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		2,198,408,732.00	3,189,628,281.00
I. Nợ ngắn hạn	310		2,198,408,732.00	3,189,628,281.00
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.08	1,053,559,042.00	90,959,275.00
5. Phải trả người lao động	315		784,675,695.00	554,004,787.00
6. Chi phí phải trả	316	V.12	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		168,290,000.00	2,313,739,757.00
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		153,256,312.00	153,548,279.00
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(218,975,133.00)	(218,975,133.00)
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.13	257,602,816.00	296,351,316.00
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		99,059,746,627.00	90,487,628,562.00
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	99,059,746,627.00	90,487,628,562.00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000.00	135,000,000,000.00
2. Lỗ lũy kế	420		(35,940,253,373.00)	(44,512,371,438.00)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		101,258,155,359.00	93,677,256,843.00

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
6. Chứng khoán các loại	13,219,280,000	43,708,690,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	13,190,200,000	42,501,690,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	213,050,000	213,960,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	12,977,150,000	42,287,730,000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	5,900,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	5,900,000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	300,000	1,169,100,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	300,000	1,169,100,000
6.6 Chứng khoán chờ giao dịch	28,780,000	32,000,000
6.6.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	20,000	-
6.6.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	28,760,000	32,000,000

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

thl
Nguyễn Thị Thu Hiền

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

thl
Nguyễn Thị Thu Hiền
KT Kế toán trưởng

NGUYỄN THẾ TÀI
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý năm nay	Quý năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8,572,118,065	(3,446,189,054)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	55,191,575	155,182,016
- Các khoản dự phòng	03	1,437,500	246,503,600
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	41,324,831
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8,628,747,140	(3,003,178,607)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9,455,204,454)	499,813,043
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(1,930,030,457)	476,920,387
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	(36,824,831)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2,756,487,771)	(2,063,270,008)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	(2,756,487,771)	(2,063,270,008)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,702,572,420	943,149,601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1,409,036,634	1,783,230,057

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Thư
Nguyễn Thị Thu Tiên



Nguyễn Thị Thu Tiên

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ký Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN THẾ TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Đơn vị tính: VND

Mã	Mã	Thuyết minh	Quý năm nay	Quý năm trước	Lũy kế (Năm nay)	Lũy kế (Năm trước)
1	1	Doanh thu	10,340,981,731	471,195,018	10,500,092,548	838,585,959
		Trong đó:	-	-	-	-
		- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	143,563,319	264,890,553	289,952,127	431,728,779
		- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	294,600	198,627,800	5,986,400	198,649,700
		- Doanh thu hoạt động tư vấn	10,134,675,490	-	10,134,675,490	-
		- Doanh thu khác	62,448,322	7,676,665	69,478,531	208,207,480
2	2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
3	3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-10)	10,340,981,731	471,195,018	10,500,092,548	838,585,959
4	4	Chi phí hoạt động kinh doanh	682,701,611	1,845,113,095	1,140,134,574	2,354,530,445
5	5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-10)	9,658,280,120	(1,373,918,077)	9,359,957,974	(1,515,944,486)
6	6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,086,162,055	2,068,092,496	2,047,526,439	3,588,076,113
7	7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-30)	8,572,118,065	(3,442,010,573)	7,312,431,535	(5,104,020,599)
8	8	Thu nhập khác	-	(2,350,000)	-	12,900,000
9	9	Chi phí khác	-	1,828,481	-	42,838,169
10	10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	-	(4,178,481)	-	(29,938,169)
11	11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	8,572,118,065	(3,446,189,054)	7,312,431,535	(5,133,958,768)
12	12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
13	13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
14	14	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	8,572,118,065	(3,446,189,054)	7,312,431,535	(5,133,958,768)
15	15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Thu Hiền

KT Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thu Hiền



NGUYỄN THẾ TÀI

Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Viễn Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”), là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán Số 76/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/02/2008 và được điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 112/GPĐC-UBCK ngày 19/11/2012 được ký bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, tính đến ngày 31/12/2012, Công ty chỉ còn 02 (hai) hoạt động là Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Vốn điều lệ theo giấy thành lập là: 135.000.000.000 đồng.

Vốn pháp định là: 125.000.000.000 đồng.

2 Tên giao dịch, trụ sở và các đơn vị trực thuộc

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Vien Dong Securities Corporation; tên viết tắt là: VDSE.

Trụ sở chính đặt tại: 11 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM.

3 Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh chứng khoán.

4 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

5 Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 30/06/2014: 18 người.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, Thông tư hướng dẫn số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về việc hướng dẫn, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ban Giám đốc công ty đảm bảo việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đính kèm.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4. Đầu tư vào chứng khoán

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá gốc, tức giá mua và các chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn cơ sở lập dự phòng của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: Nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; Nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

5. Nguyên tắc đánh giá chứng khoán

Chứng khoán tự doanh mua vào được ghi nhận theo giá mua thực tế. Giá vốn chứng khoán tự doanh khi bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Tính đến ngày 30/6/2013, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Máy móc thiết bị

3 năm

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

6 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 5 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình phần mềm kế toán và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian từ 03 - 05 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

10. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu môi giới chứng khoán: ghi nhận khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán: ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch chứng khoán từ Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

- Doanh thu khác: chủ yếu phản ánh lãi tiền gửi ngân hàng và lãi từ hoạt động repo chứng khoán.

11. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

12. Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

13. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng (VND)	57,137,513	388,832,663
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1,351,899,121	2,313,739,757
Cộng	1,409,036,634	2,702,572,420

2. Giá trị khối lượng thực hiện giao dịch trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của Công ty chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
b) Của nhà đầu tư	6,515,428	90,508,683,600
- Cổ phiếu	6,515,428	90,508,683,600
Tổng cộng	6,515,428	90,508,683,600

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ sách	So với giá thị trường Tăng	Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường
a. Chứng khoán thương mại	21,396	111,448,656	-	98,251,355	13,197,301
b. Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-
c. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-	-
d. Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

e. Đầu tư tài chính khác

	-	-	-	-	-
Tổng cộng	21,396	111,448,656	-	98,251,355	13,197,301

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại chủ yếu bao gồm các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Trong năm tài chính này, Công ty đang thanh lý dần các chứng khoán thương mại còn nắm giữ.

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán	193,296,250	193,296,250
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	28,690,552,146	28,836,294,016
Phải thu khác	53,143,457,682	43,128,314,643
Cộng	82,027,306,078	72,157,904,909

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế TNDN tạm nộp	319,895,416	319,895,416
Tài sản thiếu chờ xử lý (5.1)	5,857,672,163	5,857,672,163
Các khoản tạm ứng (5.2)	9,668,959,229	10,607,297,021
Các khoản khác	80,000	80,000
Cộng	15,846,606,808	16,784,944,600

6. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Tăng	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	930,509,838	108,827,261	1,770,149,592	2,809,486,691
Giá trị còn lại				
Số dư đầu quý	-	-	-	-
Số dư cuối quý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình

	Websites Công ty	Phần mềm kế toán	Phần mềm khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	269,339,900	120,000,000	2,270,206,650	2,659,546,550
Mua mới	-	-	-	-
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	269,339,900	120,000,000	2,270,206,650	2,659,546,550
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	194,429,506	120,000,000	1,582,986,416	1,897,415,922
Tăng	11,111,112	-	44,080,463	55,191,575
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối quý	205,540,618	120,000,000	1,627,066,879	1,952,607,497
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	74,910,394	-	687,220,234	762,130,628
Số dư cuối quý	63,799,282	-	643,139,771	706,939,053

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	23,527,252	23,527,252
Chi phí chờ phân bổ khác (phần mềm, chi phí sửa chữa,...)	98,951,411	98,951,411
Cộng	122,478,663	122,478,663

9. Tiền nộp hỗ trợ quỹ thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền nộp đầu năm	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	684,018,605	684,018,605
Tiền lãi được phân bổ	318,572,217	318,572,217
Cộng	1,122,590,822	1,122,590,822

10. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Khoản ký quỹ đến Công ty CP Dịch vụ Taxi Mai Linh về sử dụng dịch vụ thẻ MCC	10,000,000	10,000,000

u0p01

\-=IUPO9

11. Nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuế TNCN)	1,053,559,042	90,234,275
Phải trả công nhân viên	784,675,695	554,729,787
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	257,602,816	296,351,316
Cộng	2,095,837,553	941,315,378

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác bao gồm:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Kinh phí công đoàn	42,468,000	33,279,000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	8,454,816	56,392,316
Phải trả liên quan đến tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	206,680,000	206,680,000
Cộng	257,602,816	296,351,316

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Nhận ký quỹ mua chứng khoán từ các nhà đầu tư	168,290,000	2,313,739,757

13. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	153,256,312	153,548,279

14. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135,000,000,000	-	-	135,000,000,000
Lỗ lũy kế	(43,252,684,908)	7,312,431,535	-	(35,940,253,373)
Cộng	91,747,315,092	7,312,431,535	-	99,059,746,627

Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Vốn góp theo giấy phép thành lập	Vốn góp thực tế đến 31/12/2013
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	105,000,000,000	105,000,000,000
Ông Võ Quốc Thắng	2,700,000,000	2,700,000,000
Ông Nguyễn Tiến	500,000,000	500,000,000
Ông Trần Trọng Hân	500,000,000	500,000,000
Và các Cổ đông khác	26,300,000,000	26,300,000,000
Cộng	135,000,000,000	135,000,000,000

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**VII. Thông tin khác****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính này cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 11 Nguyễn Thị Diệu, P.6, Q.3, Tp.HCM

Tel: (08) 3930 8181 Fax: (08) 3930 6543

Báo cáo tài chính

Quý 2 năm 2014

Mẫu số:

CK - THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	Công ty mẹ	Phải thu	43,128,314,643


Nguyễn Thị Thu Hiền

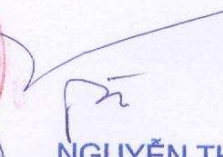
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 6 năm 2014


Nguyễn Thị Thu Hiền

KT Kế toán trưởng




NGUYỄN THẾ TÀI

Chủ tịch HĐQT

